

Số: /QĐ-UBND

Chợ Chu, ngày tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán thu chi ngân sách nhà nước
thị trấn Chợ Chu năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN CHỢ CHU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;
Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Quyết định số 7299/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Định Hóa về việc giao dự toán ngân sách năm 2024 huyện Định Hóa;
Căn cứ Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND thị trấn Chợ Chu về phê chuẩn phân bổ dự toán ngân sách nhà nước thị trấn Chợ Chu năm 2024;
Căn cứ Nghị quyết số:18/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của Hội đồng nhân dân thị trấn Chợ Chu về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách Nhà nước thị trấn Chợ Chu năm 2025;
Xét đề nghị của Ban Tài chính thị trấn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 thị trấn Chợ Chu, chi tiết cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền
I	Tổng thu ngân sách nhà nước	23.458.353.153
	1. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	6.538.247.360
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	252.802.880
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ %	5.889.811.858
	- Thu kết dư năm 2023 chuyển sang	395.632.622
	2. Bổ sung từ ngân sách cấp trên	16.476.301.458

	- <i>Bổ sung cân đối</i>	9.525.470.000
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	6.950.831.458
	3. Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	443.804.335
II	Tổng chi ngân sách nhà nước	21.730.006.308
	- Chi đầu tư phát triển	5.075.085.977
	- Chi thường xuyên	16.353.856.234
	- Chi chuyển nguồn	301.064.097
	- Chi nộp trả ngân sách cấp trên	-
III	Kết dư ngân sách	1.728.346.845
	Trong đó:	
	- <i>Tiền công tình xây dựng NVH TDP</i>	200.000.000
	- <i>10% đo đạc</i>	152.834.685
	- <i>Nguồn chi cho XD CB</i>	1.375.512.161

(Theo các biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Ban Tài chính chủ trì phối hợp với các ban ngành có liên quan, hướng dẫn các ban ngành tổ chức thực hiện.

Điều 3. Các ông, bà văn phòng HĐND&UBND thị trấn, các ban ngành thụ hưởng ngân sách thị trấn và các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND TT;
- Chủ tịch và P.Chủ tịch UBND TT;
- Các ban ngành thuộc TT;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Thanh Nam

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Quyết toán được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	13.472.955.040	Tổng số chi	11.685.260.843
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	133.020.669	I. Chi đầu tư phát triển	1.990.990.371
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	3.390.482.758	II. Chi thường xuyên	9.694.270.472
III. Thu bổ sung	9.254.899.858	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.063.000.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	4.191.899.858		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	395.632.252		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	298.919.503		
Kết dư ngân sách	1.787.694.197		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

Tỉnh: Thái Nguyên
Huyện: Định Hóa
Xã: Bảo Cường

Biểu số 116/CKTC-NSNN

BIỂU CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Quyết toán được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	9.984.791.057	Tổng số chi	9.743.681.368
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	47.943.000	I. Chi đầu tư phát triển	3.084.095.606
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.570.561.255	II. Chi thường xuyên	6.659.585.762
III. Thu bổ sung	7.221.401.600	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.462.470.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	2.758.931.600		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	370		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	144.884.832		
Kết dư ngân sách	241.109.689		

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	11.066.340.000	7.593.000.000	18.492.186.231	13.472.955.040	164	172
I. Các khoản thu 100%	159.500.000	159.500.000	133.020.669	133.020.669	83	83
1. Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	51.158.380	51.158.380	85	85
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			13.467.289	13.467.289		
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	99.500.000	99.500.000	68.395.000	68.395.000	69	69
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.828.000.000	1.354.660.000	8.409.713.949	3.390.482.758	174	250
1. Các khoản thu phân chia	163.000.000	153.100.000	254.036.620	215.850.634	156	141
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	33.000.000	23.100.000	127.286.620	89.100.634	386	386
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	130.000.000	130.000.000	126.750.000	126.750.000	98	98
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.665.000.000	1.201.560.000	8.155.677.329	3.174.632.124	175	264
2.1. Thu tiền sử dụng đất	1.900.000.000	855.000.000	6.235.434.407	2.805.945.483	328	328
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng	1.805.000.000	346.560.000	1.920.242.922	368.686.641	106	106
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	960.000.000					
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						

III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			298.919.503	298.919.503		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			395.632.252	395.632.252		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.078.840.000	6.078.840.000	9.254.899.858	9.254.899.858	152,25	152,25
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.834.800.000	4.834.800.000	5.063.000.000	5.063.000.000	104,72	104,72
2. Bổ sung có mục tiêu	1.244.040.000	1.244.040.000	4.191.899.858	4.191.899.858	336,96	336,96

Tỉnh: Thái Nguyên
Huyện: Định Hóa
Xã: Bảo Cường

Biểu số 117/CKTC-NSNN

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	7.906.680.000	7.276.000.000	11.272.891.806	9.984.791.057	143	137
I. Các khoản thu 100%	42.100.000	42.100.000	116.858.134	47.943.000	278	114
1. Phí, lệ phí	32.500.000	32.500.000	35.096.000	34.443.000	108	106
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	9.600.000	9.600.000	81.762.134	13.500.000	852	141
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
8. Thu khác						
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.067.900.000	1.437.220.000	3.789.746.870	2.570.561.255	183	179
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ hộ gia đình						
1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.900.000	16.900.000	67.615.371	28.888.444	400	171
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			14.833.890	13.488.444		
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	16.500.000	16.500.000	15.400.000	15.400.000	93	93
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất			37.381.481			
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.051.000.000	1.420.320.000	3.722.131.499	2.541.672.811	181	179
2.1. Thu tiền sử dụng đất	1.800.000.000	1.260.000.000	3.315.365.200	2.320.755.640	184	184
2.4. Thuế giá trị gia tăng	167.000.000	160.320.000	229.372.877	220.917.171	137	138
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	84.000.000		177.393.422		211	
IV. Thu chuyển nguồn			144.884.832	144.884.832		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			370	370		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.796.680.000	5.796.680.000	7.221.401.600	7.221.401.600	125	125
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.833.000.000	4.833.000.000	4.462.470.000	4.462.470.000	92	92
2. Bổ sung có mục tiêu	963.680.000	963.680.000	2.758.931.600	2.758.931.600	286	286

Tỉnh Thái Nguyên

Biểu số 118/CKTC-NSNN

Huyện Định Hóa

Thị trấn Chợ Chu

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	6.644.000.000		6.644.000.000	11.685.588.443	1.990.990.371	9.694.270.472	169		146
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	936.091.536		936.091.536	1.283.666.511		1.283.666.511	137		137
1.1. Chi dân quân tự vệ	489.915.536		489.915.536	515.563.511		515.563.511	105		105
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	446.176.000		446.176.000	768.103.000		768.103.000	172		172
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế									
5. Chi văn hóa, thông tin	57.000.000		57.000.000	85.138.120	30.000.000	55.138.120	149		97
6. Chi phát thanh, truyền thanh									
7. Chi thể dục, thể thao	35.000.000		35.000.000	44.942.960		44.942.960	128		128
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế				1.060.606.740	898.082.000	192.524.740			
9.1. Giao thông				983.404.000	866.332.000	117.072.000			
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản				75.452.740		75.452.740			

Xã: Bảo Cường

Biểu số 118/CKTC-NSNN

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

[illegible]

